

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: May trang phục cảng vụ .
- Dự toán: May trang phục cảng vụ .
- Chủ đầu tư: Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực I.
- Nguồn vốn: NSNN năm 2025
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III năm 2025.
- Thời gian thực hiện hợp đồng là: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung:

- Hàng hoá mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi, giá chào thầu đã bao gồm các chi phí may đo theo yêu cầu, đóng gói, vận chuyển, bàn giao tại đơn vị sử dụng, chi phí sửa chữa (nếu có) và hóa đơn thuế giá trị gia tăng theo quy định.

- Nhà thầu phải tự bố trí phương tiện và các kỹ thuật viên để đảm bảo đo sản phẩm cho 13 đại diện của đơn vị tại các tỉnh thành phố: Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên.

- Thời gian thực hiện hợp đồng ≤ 30 ngày.

- Nhà thầu cung cấp Bảng liệt kê đặc tính kỹ thuật chi tiết của hàng hóa để chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa so với yêu cầu kỹ thuật tại Chương V E-HSMT. Có nêu rõ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên hãng sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ. Nhà thầu chào nhiều hơn 01 xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất cho một chủng loại hàng hóa được xem là không rõ ràng. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSMT để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này. Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đưa ra tại Bảng liệt kê đặc

tính kỹ thuật. Trường hợp hàng hóa sau khi bàn giao không đúng với thông số nhà thầu đưa ra khi tham dự thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Luật Đấu thầu.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ, địa điểm giao hàng theo yêu cầu tại Mẫu số 01A Chương IV E-HSMT. Đảm bảo thời gian nhà thầu cung cấp bàn giao hàng hoá phải phù hợp với thời gian thực hiện hợp đồng đã được quy định. Trong đó thời gian thực hiện hợp đồng có thể hiểu là số ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

b) Yêu cầu về kỹ thuật

Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ ***“tương đương”*** hoặc ***“tốt hơn”*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của E-HSMT.

BẢNG YÊU CẦU THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| STT | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Mô tả hàng hóa |
|-----|----------------------|-------------|------------|--|
| | Yêu cầu chung | | | <ul style="list-style-type: none"> - Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (nếu có): Nhà thầu tự đề xuất - Nhà sản xuất: Nhà thầu tự đề xuất - Xuất xứ: Nhà thầu tự đề xuất |
| 1 | Quần âu/Váy nữ | Cái | 324 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải 100% Len, loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen. - Quy cách: <ul style="list-style-type: none"> + Quần âu: Ống đứng rộng vừa phải, quần có 02 túi chéo, cạp quần bản rộng 03 cm, có đĩa quần, khoá kéo bằng nhựa. + Váy nữ: Dáng ôm, có vải lót, có 02 túi chéo, cạp dờn 3,3 cm, xẻ sau ở giữa, dài chạm gối. - Hàng đặt may theo số đo của từng người. |

| | | | | |
|---|---------------------------|-----|-----|--|
| 2 | Áo sơ mi nam, nữ ngắn tay | Cái | 324 | <p>- Chất liệu: Vải PEVIS cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới hút ẩm, thấm mồ hôi, dễ giặt ủi, mềm mại, thoáng mát, bền màu, giảm nhiệt nha, chống khuẩn, màu trắng</p> <p>- Quy cách: + Áo sơ mi nam: Cổ đứng, cổ áo có thùa 2 khuyết để cài phù hiệu, 02 túi trước có nắp, hai vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu, nẹp bong ở giữa, nẹp áo có 10 khuy áo màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt (08 khuy để cài áo, 02 khuy để cài túi áo); tay áo có nẹp bong; trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07cm. + Áo sơ mi nữ: Cổ áo đứng; 02 túi trước có nắp, thân áo trước có 02 đường chiết eo, hai vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu, nẹp bong ở giữa có 10 khuy áo màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt (08 khuy để cài áo, 02 khuy để cài túi áo); tay áo có nẹp bong; trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07cm.</p> <p>- Hàng đặt may theo số đo của từng người.</p> |
| 3 | Áo sơ mi nam, nữ dài tay | Cái | 324 | <p>- Chất liệu: Vải PEVIS cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới hút ẩm, thấm mồ hôi, dễ giặt ủi, mềm mại, thoáng mát, bền màu, giảm nhiệt nha, chống khuẩn, màu trắng.</p> <p>- Quy cách: + Áo sơ mi nam: Cổ đứng, cổ áo có thùa 2 khuyết để cài phù hiệu, 02 túi trước có nắp, 2 vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu, nẹp bong ở giữa, nẹp áo có 12 khuy áo màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt (08 khuy để cài áo, 02 khuy để cài túi áo, 02 khuy cài tay áo), tay áo có măng séc cứng, trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07cm. + Áo sơ mi nữ: Cổ áo đứng, có thùa 2 khuyết để cài phù hiệu, 02 túi trước có nắp, thân áo trước có 02 đường chiết eo, hai vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu, nẹp bong ở giữa có 12 khuy áo màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt (08 khuy để cài áo, 02 khuy để cài túi áo, 02 khuy cài tay áo), tay áo có măng séc cứng, trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07cm.</p> <p>- Hàng đặt may theo số đo của từng người.</p> |
| 4 | Áo mùa đông kiểu đại cán: | Cái | 162 | <p>- Chất liệu: Vải 100% Len, loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Quy cách: + Áo nam: Áo có 2 lớp, cổ áo bề hình chữ K truyền thống, cổ áo có thùa 2 khuyết để cài phù hiệu, có 3 túi (01 túi chéo bên trái bỏ 1 coi và</p> |

| | | | | |
|---|-----------|-----|-----|--|
| | | | | <p>02 túi bỏ 2 coi phía dưới chím có nắp), 2 vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu, nẹp áo có 04 khuy áo màu vàng ánh kim, có hình mỏ neo nổi trên mặt, thân áo sau xẻ giữa, trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07cm, mỗi cổ tay áo có 03 khuy màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt, phía trong lót áo có túi 2 coi.</p> <p>+ Áo nữ: Áo có 2 lớp, cổ áo bẻ hình chữ K truyền thống, trên cổ áo có thùa 2 khuyết để cài phù hiệu, phía dưới có 02 túi bỏ coi phía dưới chím có nắp, hai vai có 02 đĩa để cài cấp hiệu, thân áo sau xẻ giữa, có 03 khuy áo màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt (03 khuy để cài áo) trên tay áo bên trái có gắn phù hiệu, cách đầu vai của tay áo 07cm, mỗi cổ tay áo có 01 khuy màu vàng ánh kim có hình mỏ neo nổi trên mặt.</p> <p>- Hàng đặt may theo số đo của từng người.</p> |
| 5 | Cầu vai | Đôi | 162 | <p>- Chất liệu: Vải 100% Len, loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Quy cách: Cấp hiệu vải màu xanh đen, có chiều dài 13 cm, chiều rộng đầu lớn là 05 cm, chiều rộng đầu nhỏ là 04 cm; sao cấp hiệu bằng đồng tám mạ màu vàng ánh kim, được đặt cân xứng thành hàng dọc; có vạch phân cấp bằng kim loại màu vàng ánh kim, được đặt phía đầu lớn. Phía đầu nhỏ gắn cúc cấp hiệu hình mỏ neo màu vàng ánh kim trong vòng tròn, có viền bằng vải màu đỏ rộng 0,3 cm.</p> |
| 6 | Ve áo | Đôi | 162 | <p>- Chất liệu: Vải 100% Len, loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen.</p> <p>- Quy cách: Phù hiệu có hình bình hành góc nhọn 60 độ, cạnh dài 5,5 cm, cạnh ngắn 3,5 cm; viền được bọc bằng kim loại màu vàng ánh kim rộng 0,3 cm; nền vải màu xanh đen, ở giữa gắn biểu trưng của Cảng vụ đường thủy nội địa bằng kim loại.</p> |
| 7 | Ca vát | Cái | 162 | <p>- Chất liệu, quy cách: Vải 100% Len, loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu theo vải áo vest và có bản rộng 3,5 cm.</p> |
| 8 | Thắt lưng | Cái | 162 | <p>- Quy cách, chất liệu: Thắt lưng bằng da cao cấp màu đen, bản rộng 2,5 cm, có khóa màu vàng ánh kim và biểu trưng của Cảng vụ đường thủy nội địa dập nổi trên khóa ...</p> |

| | | | | |
|----|--|-------|-----|---|
| 9 | Giày da | Đôi | 162 | <p>Giày da nữ</p> <p>a) Kiểu dáng: Giày được làm từ da Boxcal, kiểu Oxford, mũi giày tron. Đế được làm bằng cao su đúc định hình, gót cao 5 cm, có lõi nhựa. Dây buộc bằng sợi Polyester dệt kiểu ống có lõi</p> <p>b) Màu sắc: đen.</p> <p>Giày da nam</p> <p>a) Kiểu dáng: Giày được làm từ da Boxcal, kiểu Oxford, mũi giày tron. Đế được làm bằng cao su đúc định hình, gót cao 4 cm, có lõi nhựa. Dây buộc bằng sợi Polyester dệt kiểu ống có lõi.</p> <p>b) Màu sắc: đen.</p> <p>(tương đương với giày cấp tá trong quân đội).</p> |
| 10 | Bít tất | Đôi | 162 | Màu sắc xanh rêu, chất liệu nylon hoặc dệt kim. |
| 11 | Quần áo mưa | Bộ | 162 | <p>a) Kiểu dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áo mưa: Kiểu Jacket, cổ bẻ không chân. Thân trước bên trái may nẹp che khóa cài cúc bấm, bên trong có khóa kéo lên hết đầu cổ. Thân sau cầu vai rời, bên trong có lớp vải lưới may liền thân để thoát khí, chân cầu vai và nẹp có gắn biển phản quang. Tay áo kiểu một mang, cổ tay may bo chun. Mũ rời gắn với áo bằng cúc bấm. Các đường may có dán băng keo chống thấm. - Quần mưa: Kiểu ống rộng, cạp chun, dưới gấu có cúc bấm. <p>b) Màu sắc: Quần áo mưa màu xanh đen.</p> |
| 12 | Mũ kêpi (bao gồm phù hiệu gắn trên mũ) | Chiếc | 162 | <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải 100% Len, loại dày cao cấp, xử lý mặt vải theo công nghệ mới, thấm hút mồ hôi, kháng khuẩn, chống tia UV, màu tím than đen. - Quy cách: Đỉnh mũ màu trắng và đai mũ màu xanh đen, lưới trai màu đen, trước mũ có gắn phù hiệu, trước đai có 02 dây xoắn thừng màu vàng được gắn hai đầu bằng mỏ neo màu vàng ánh kim, trên lưới trai có 02 cánh tùng màu vàng hướng về 2 bên mũ. |

c) Yêu cầu về vải:

Cung cấp kết quả cơ lý của nguyên liệu may quần, áo theo thông số sau:

*** Vải may quần, váy, áo mùa đông**

| Tên chỉ tiêu | | Mức | Phương pháp thử |
|---|-------|--------------|--|
| 1. Kiểu dệt | | Vân chéo 2/1 | TCVN 4897:1989 |
| 2. Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne) | Dọc | 35/2 ± 2 | TCVN 5095:1990 |
| | Ngang | 38/2 ± 2 | |
| 3. Khối lượng thực tế (g/m ²) | | ≥ 190 | TCVN 8042:2009 |
| 4. Độ bền kéo đứt (N) | Dọc | ≥ 300 | TCVN 1751:1986 (phương pháp băng vải) |
| | Ngang | ≥ 250 | |

| | | | | |
|--|--------------|------------------------------|---|--------------------|
| 5. Mật độ (sợi/10cm) | Dọc | ≥ 290 | TCVN 1753:1986 | |
| | Ngang | ≥ 240 | | |
| 6. Thành phần nguyên liệu | | 100% len | ISO/TR 11827:2012 | |
| 7. Độ bền màu giặt A (1); 40°C (cấp) | Thay đổi màu | | $\geq 4-5$ | |
| | Dây màu | Diaxetat | $\geq 4-5$ | TCVN 7835-C10:2007 |
| | | Bông | $\geq 4-5$ | |
| | | Polyamit | $\geq 4-5$ | |
| | | Polyeste | $\geq 4-5$ | |
| | | Acrylic | $\geq 4-5$ | |
| Len | | $\geq 4-5$ | | |
| 8. Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) | Dọc | < 1 | TCVN 8041:2009 | |
| | Ngang | < 1 | | |
| 9. Độ thoáng khí tại P125Pa ($\text{cm}^3/\text{s}/\text{cm}^2$) | | > 20 | TCVN 5092:2009 | |
| 10. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) | | k.p.h | TCVN 7421-1:2013 | |
| 11. Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg) | | k.p.h | TCVN 12512-1:2018 | |
| 12. Khả năng bay hơi nước bề mặt, thời gian 25 phút | | Hàm lượng ẩm còn lại $< 4\%$ | Phương pháp nội bộ (TTTN/HD-7.4-H.078:2022) | |

*** Vải may áo sơ mi**

| Tên chỉ tiêu | | Mức | Phương pháp thử | |
|--|--------------|----------------|--|--------------------|
| 1. Kiểu dệt | | Vân điểm | TCVN 4897:1989 | |
| 2. Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne) | Dọc | $70/1 \pm 2$ | TCVN 5095:1990 | |
| | Ngang | $68/1 \pm 2$ | | |
| 3. Khối lượng thực tế (g/m^2) | | 85 ± 5 | TCVN 8042:2009 | |
| 4. Độ bền kéo đứt (N) | Dọc | ≥ 350 | TCVN 1754:1986 (phương pháp băng vải) | |
| | Ngang | ≥ 150 | | |
| 5. Mật độ (sợi/10cm) | Dọc | ≥ 600 | TCVN 1753:1986 | |
| | Ngang | ≥ 300 | | |
| 6. Thành phần nguyên liệu | | Polyeste/Visco | ISO/TR 11827:2012 TCVN 5465-1:2009 TCVN 5465-11:2009 | |
| 7. Độ bền màu giặt A (1); 40°C (cấp) | Thay đổi màu | | $\geq 4-5$ | |
| | Dây màu | Diaxetat | $\geq 4-5$ | TCVN 7835-C10:2007 |
| | | Bông | $\geq 4-5$ | |
| | | Polyamit | $\geq 4-5$ | |
| | | Polyeste | $\geq 4-5$ | |
| | | Acrylic | $\geq 4-5$ | |
| Len | | $\geq 4-5$ | | |
| 8. Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%) | Dọc | < 1 | TCVN 8041:2009 | |
| | Ngang | < 1 | | |
| 9. Độ thoáng khí tại P125Pa ($\text{cm}^3/\text{s}/\text{cm}^2$) | | > 40 | TCVN 7421-1:2013 | |
| 10. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg) | | K.p.h | TCVN 7421-1:2013 | |
| 11. Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo | | K.p.h | TCVN 12512-1:2018 | |

| | | |
|---|---------------------------|---|
| (mg/kg) | | |
| 12. Khả năng bay hơi nước bề mặt, thời gian 25 phút | Hàm lượng ẩm còn lại < 4% | Phương pháp nội bộ (TTTN/HD-7.4-H.078:2022) |

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Hàng hóa được đóng túi nilon riêng từng chiếc, từng bộ.
- Chất liệu hàng hóa phải ổn định về mặt kết cấu và màu sắc: không lem màu, không loang màu khi được giặt tẩy với xà phòng.
- Đối với các trang phục yêu cầu phải lấy số đo từng người, khi may đo phải may đúng số đo của người sử dụng. Giày được cung cấp theo đúng size chân của người đi. Nếu người sử dụng mặc không vừa quần áo, đi không vừa cỡ giày tại thời điểm bàn giao hàng hóa, nhà thầu phải chịu trách nhiệm sửa chữa hoặc cung cấp lại hàng hoá khác cho đến khi đạt yêu cầu thì hai bên mới tiến hành bàn giao nghiệm thu theo quy định.

- Việc kiểm tra và nghiệm thu được tiến hành tại Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I, địa chỉ: Số 10 Phạm Minh Đức, phường Gia Viên, TP Hải Phòng với sự tham gia trực tiếp của Bên mời thầu và nhà thầu được đề nghị trúng thầu. Kiểm tra hàng hóa theo các quy định về màu sắc, chất liệu, đường may, mẫu mã, size giày, nguyên phụ liệu, ..., hàng hóa đáp ứng yêu cầu mới được nghiệm thu.

Bất cứ một hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa qua kiểm tra và thử nghiệm mà không phù hợp về chất lượng, về đặc tính kỹ thuật ..., thì bên mời thầu có thể từ chối và nhà thầu sẽ phải thay thế các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa bị từ chối hoặc tiến hành những sửa đổi cần thiết một cách miễn phí, đáp ứng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa hoặc chi tiết hàng hóa không phù hợp, chủ đầu tư (Bên mời thầu) có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.